

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA
TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
(đã được soát xét)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	05 - 31
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	08 - 09
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội tiền thân là Nhà máy In Sách giáo khoa - trực thuộc Bộ giáo dục được thành lập theo Quyết định số 644/QĐ-GD ngày 09/09/1975 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục. Ngày 12/09/1995, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quyết định số 3268/QĐ-GD&ĐT về việc chuyển Nhà máy In Sách giáo khoa về trực thuộc Nhà xuất bản Giáo dục.

Ngày 29/03/2004 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định số 1576/QĐ-BGD&ĐT-TCC về việc chuyển Nhà máy In Sách giáo khoa thuộc Nhà xuất bản Giáo dục thành Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 0101493707, đăng ký lần đầu ngày 20/05/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 12/01/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tổ 60, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Vũ Thị Hào	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 19/04/2019)
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 19/04/2019)
Ông Ngô Quang Thân	Phó Chủ tịch	
Ông Phạm Ngọc Sơn	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 19/04/2019)
Ông Đinh Quốc Khánh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 19/04/2019)
Ông Lê Đăng Khoa	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 19/04/2019)
Ông Nguyễn Văn Cung	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 19/04/2019)
Bà Đỗ Thị Phương	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 19/04/2019)
Bà Phan Thị Thu Hà	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 19/04/2019)

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Ngô Quang Thân	Giám đốc
Ông Ngô Đắc Nam	Phó Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Kim Anh	Trưởng Ban	(Bổ nhiệm ngày 19/04/2019)
Ông Nguyễn Văn Anh	Trưởng Ban	(Miễn nhiệm ngày 19/04/2019)
Ông Nguyễn Đắc Huân	Thành viên	
Ông Lê Quang Hà	Thành viên	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Ngô Quang Thân

Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2019

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội được lập ngày 13 tháng 08 năm 2019 từ trang 05 đến trang 31 bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận soát xét

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội tại ngày 30/06/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Đỗ Thị Ngọc Dung

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0659-2018-002-1

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		23.787.850.691	20.237.900.409
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	3.077.265.575	2.603.413.094
111	1. Tiền		3.077.265.575	2.603.413.094
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	10.500.000.000	12.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		10.500.000.000	12.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		7.378.934.568	2.674.261.483
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	5.839.732.619	958.072.898
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	192.950.000	128.514.008
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	1.411.451.949	1.652.874.577
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(65.200.000)	(65.200.000)
140	IV. Hàng tồn kho	9	2.745.966.722	2.743.179.203
141	1. Hàng tồn kho		2.853.496.990	2.850.709.471
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(107.530.268)	(107.530.268)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		85.683.826	217.046.629
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	85.683.826	123.706.667
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	93.339.962
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		20.590.727.866	20.630.607.541
220	I. Tài sản cố định		6.489.681.310	6.530.106.513
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	6.489.681.310	6.530.106.513
222	- Nguyên giá		49.896.693.031	49.088.783.940
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(43.407.011.721)	(42.558.677.427)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		13.240.707.030	13.087.777.902
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	13.240.707.030	13.087.777.902
260	III. Tài sản dài hạn khác		860.339.526	1.012.723.126
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	860.339.526	1.012.723.126
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		44.378.578.557	40.868.507.950

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		21.483.278.133	17.536.263.612
310	I. Nợ ngắn hạn		21.483.278.133	17.536.263.612
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	1.333.107.769	666.569.976
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	15.989.103
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	1.261.168.554	61.348.498
314	4. Phải trả người lao động		1.567.421.291	1.278.862.113
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	14	134.280.000	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	17.011.696.989	15.377.649.318
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		175.603.530	135.844.604
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		22.895.300.424	23.332.244.338
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	22.895.300.424	23.332.244.338
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		20.159.850.000	20.159.850.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		20.159.850.000	20.159.850.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(943.752.685)	(943.752.685)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		2.589.722.101	2.589.722.101
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.089.481.008	1.526.424.922
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(18.117.383)	97.845.660
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		1.107.598.391	1.428.579.262
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		44.378.578.557	40.868.507.950

P.T.G
Phan Thị Thu Hà
Người lập biểu

P.T.G
Phan Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Ngô Quang Thân
Ngô Quang Thân
Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	16.117.218.243	12.761.392.631
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		16.117.218.243	12.761.392.631
11	3. Giá vốn hàng bán	20	12.192.974.448	9.834.355.727
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.924.243.795	2.927.036.904
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	308.614.455	323.931.486
25	6. Chi phí bán hàng	22	24.250.000	37.150.740
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	2.775.017.006	1.985.492.759
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.433.591.244	1.228.324.891
31	9. Thu nhập khác		806.000	-
32	10. Chi phí khác	24	33.319.404	-
40	11. Lợi nhuận khác		(32.513.404)	-
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.401.077.840	1.228.324.891
51	13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	293.479.449	251.164.978
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		1.107.598.391	977.159.913
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	584	515

Phg

Phg

Phan Thị Thu Hà
Người lập biểu

Phan Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Ngô Quang Thân
Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2019



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
			VND	VND
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		1.401.077.840	1.228.324.891
	2. Điều chỉnh cho các khoản		539.719.839	330.211.644
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		848.334.294	669.930.657
03	- Các khoản dự phòng		-	(15.787.527)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(308.614.455)	(323.931.486)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.940.797.679	1.558.536.535
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(4.672.654.101)	(82.857.144)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		1.292.823.784	3.158.941.924
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		2.575.635.719	967.969.417
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		190.406.441	(571.062.284)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(61.326.096)	(114.170.400)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(103.099.000)	(3.423.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.162.584.426	4.913.935.048
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(1.088.588.219)	(456.634.350)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(5.500.000.000)	-
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		7.000.000.000	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		212.480.209	33.825.635
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		623.891.990	(422.808.715)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.312.623.935)	(937.588.525)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(1.312.623.935)	(937.588.525)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		473.852.481	3.553.537.808
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.603.413.094	3.071.508.451
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	3.077.265.575	6.625.046.259

PTG

PTG

Phan Thị Thu Hà
Người lập biểu

Phan Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Ngô Quang Thân
Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2019



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội tiền thân là Nhà máy In Sách giáo khoa - trực thuộc Bộ giáo dục được thành lập theo Quyết định số 644/QĐ-GD ngày 09/09/1975 của Bộ trưởng Bộ giáo dục. Ngày 12/09/1995, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo đã ban hành Quyết định số 3268/QĐ-GD&ĐT về việc chuyển Nhà máy In Sách giáo khoa trực thuộc Nhà xuất bản Giáo dục.

Ngày 29/03/2004 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định số 1576/QĐ-BGD&ĐT-TCC về việc chuyển Nhà máy In Sách giáo khoa thuộc Nhà xuất bản Giáo dục thành Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tổ 60, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 20.159.850.000 VND, tương đương 2.015.985 cổ phần, mệnh giá 1 cổ phần là 10.000 VND.

Lĩnh vực kinh doanh: In ấn sách và các sản phẩm giáo dục.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- In sách giáo khoa, sách khác, báo, tạp chí, tập san, nhãn, biểu, sản phẩm bao bì và các giấy tờ quản lý, kinh tế, xã hội;
- Sản xuất và kinh doanh các loại sản phẩm: Giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm;
- Xuất nhập khẩu các loại vật tư, hàng hóa, thiết bị kỹ thuật in phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị ngành in và các loại hàng hóa (Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện quy định của pháp luật).

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2018/TT-BTC ngày 21/03/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.5. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi

phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm

2.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với các tài sản đủ điều kiện, chi phí đi vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.9. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC thông báo từ BCC.

2.11. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu nhận trước phản ánh số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

- Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.15. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với thu nhập tính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

2.18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.19. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữ niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.20. Thông tin bộ phận

Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu trong lĩnh vực in ấn sách giáo dục, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	28.363.422	76.398.004
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.048.902.153	2.527.015.090
	3.077.265.575	2.603.413.094

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn ⁽ⁱ⁾	10.500.000.000	10.500.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000
	10.500.000.000	10.500.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000

⁽ⁱ⁾ Tại ngày 30/06/2019, đầu tư ngắn hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng có giá trị 10.500.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP An Bình - Phòng Giao dịch Đông Anh với lãi suất 7,4%/năm.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2019		01/01/2019	
	VND	Dự phòng	VND	Dự phòng
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hà Nội	3.521.171.576	-	-	-
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	634.610.808	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	543.418.683	-	-	-
- Nhà xuất bản Đại học sư phạm	365.615.998	-	253.149.080	-
- Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông	86.616.001	-	18.550.000	-
- Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Giáo dục miền Bắc	53.667.200	-	-	-
- Báo Giáo dục và Thời đại	-	-	287.989.991	-
- Công ty Cổ phần In Khoa học Kỹ thuật	8.055.394	-	316.834.503	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	626.576.959	-	81.549.324	-
	5.839.732.619	-	958.072.898	-
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan				
	4.186.843.460	-	23.550.000	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)

Nợ phải thu khách hàng tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính đều không có nợ quá hạn và các khoản nợ này có khả năng thu hồi cao. Do đó, Công ty không trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản nợ phải thu này.

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Chiến Thắng	25.200.000	(25.200.000)	25.200.000	(25.200.000)
- Phạm Phúc Hà	40.000.000	(40.000.000)	40.000.000	(40.000.000)
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh thương mại Liên Anh	70.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Thương mại và Môi trường VINASEP	37.500.000	-	37.500.000	-
- Đối tượng khác	20.250.000	-	25.814.008	-
	192.950.000	(65.200.000)	128.514.008	(65.200.000)

7. NỢ XẤU

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Chiến Thắng	25.200.000	-	25.200.000	-
Phạm Phúc Hà	40.000.000	-	40.000.000	-
	65.200.000	-	65.200.000	-

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về vật tư cho mượn	241.993.960	-	527.199.184	-
Phải thu Lãi tiền gửi dự thu	406.098.630	-	309.964.384	-
Tạm ứng	715.240.300	-	669.007.500	-
Phải thu khác	48.119.059	-	146.703.509	-
	1.411.451.949	-	1.652.874.577	-
Phải thu ngắn hạn khác là bên liên quan	241.993.960	-	321.340.232	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)

9. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.746.635.698	(107.530.268)	1.954.315.144	(107.530.268)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	910.620.045	-	597.780.579	-
Thành phẩm	196.241.247	-	298.613.748	-
	2.853.496.990	(107.530.268)	2.850.709.471	(107.530.268)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	4.604.048.247	42.263.517.376	1.985.579.317	235.639.000	49.088.783.940
- Mua trong kỳ	-	617.000.000	190.909.091	-	807.909.091
Số dư cuối kỳ	4.604.048.247	42.880.517.376	2.176.488.408	235.639.000	49.896.693.031
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	4.320.319.477	36.344.534.878	1.658.184.072	235.639.000	42.558.677.427
- Khấu hao trong kỳ	60.067.853	682.555.956	105.710.485	-	848.334.294
Số dư cuối kỳ	4.380.387.330	37.027.090.834	1.763.894.557	235.639.000	43.407.011.721
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	283.728.770	5.918.982.498	327.395.245	-	6.530.106.513
Tại ngày cuối kỳ	223.660.917	5.853.426.542	412.593.851	-	6.489.681.310

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 37.950.835.237 VND.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỮ DANG

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Dự án mở rộng mặt bằng sản xuất kinh doanh ⁽ⁱ⁾	13.240.707.030	13.087.777.902
	13.240.707.030	13.087.777.902

⁽ⁱ⁾ Dự án mở rộng mặt bằng sản xuất kinh doanh được tài trợ bằng nguồn kinh phí từ hợp đồng hợp tác số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 giữa Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội với các đơn vị là các công ty là thành viên của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (Xem thêm Thuyết minh số 16). Theo hợp đồng này, Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội là đơn vị đại diện thực hiện các thủ tục và theo dõi chi phí của dự án. Cụ thể:

- Địa điểm thực hiện dự án: Tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội;
- Diện tích khu đất là 7.662 m²;
- Mục đích sử dụng đất: Dùng làm kho, xưởng sản xuất của các bên liên quan. Sau khi hoàn thành, các đơn vị tham gia góp vốn đầu tư sẽ được sử dụng một phần diện tích đất được cấp cho Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội theo tỷ lệ vốn góp trên tổng vốn đầu tư của dự án để mở rộng sản xuất;
- Dự án đã được UBND Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đầu tư, Công ty đã hoàn thành các thủ tục cần thiết về quy hoạch, thiết kế, thực hiện giải phóng mặt bằng và đền bù cho các hộ dân có đất nông nghiệp nằm trong dự án và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện tại, Dự án chưa triển khai công tác xây dựng mặt bằng nhà xưởng do Giấy phép đầu tư dự án đầu tư đã hết hạn từ năm 2016. Chi phí phát sinh trong kỳ là tiền thuê đất và thuê đất phi nông nghiệp kỳ 1 năm 2019, dịch vụ tư vấn pháp luật Hợp đồng 30A/2019/HQC/HDTVPL, số tiền là: 152.929.128 VND.

Trong kỳ, ba bên góp vốn là Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội và Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục miền Bắc đã gửi công văn yêu cầu rút vốn thực hiện dự án theo tỷ lệ góp vốn.

Thực hiện Nghị quyết 02/NQ-HĐQT ngày 22/05/2019 của Công ty Cổ phần in Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội, Công ty đã ký hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Sản xuất phát triển MiZen để tiếp tục dự án mở rộng kho lạnh Đông Anh. Theo đó, Công ty Cổ phần Sản xuất phát triển MiZen chịu trách nhiệm làm việc với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để xin cấp Giấy phép đầu tư dự án bổ sung. Đồng thời, Công ty Cổ phần in Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội thực hiện thuê bên định giá để đánh giá phần đất và lợi thế thương mại liên quan đến dự án nêu trên. Đến thời điểm 30/06/2019, Công ty đã ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Đầu tư tài chính Bưu Điện để thực hiện công việc định giá trên.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	85.683.826	58.674.167
- Chi phí khác	-	65.032.500
	85.683.826	123.706.667
b) Dài hạn		
- Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	226.085.147	122.722.944
- Chi phí sửa chữa văn phòng	634.254.379	738.149.194
- Chi phí khác	-	151.850.988
	860.339.526	1.012.723.126

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty TNHH Hiền Hương	47.520.000	47.520.000	33.990.000	33.990.000
- Nhà máy in Bộ Tổng Tham Mưu	-	-	30.681.695	30.681.695
- Viện Năng suất Việt Nam	-	-	38.600.000	38.600.000
- Công ty TNHH Tổng hợp và Sản xuất giấy Hoàng Hải	-	-	335.873.769	335.873.769
- Công ty Cổ phần In Khoa học kỹ thuật	157.984.091	157.984.091	49.339.830	49.339.830
- Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất MiLan	-	-	48.626.754	48.626.754
- Công ty Cổ phần Vật tư Xây dựng và Thương mại Hồng Phúc	-	-	30.360.000	30.360.000
- Công ty Cổ phần In và Thương mại Tiên Phong	422.060.784	422.060.784	-	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu ngành in SIC	193.133.600	193.133.600	11.253.000	11.253.000
- Phải trả cho các đối tượng khác	512.409.294	512.409.294	87.844.928	87.844.928
	1.333.107.769	1.333.107.769	666.569.976	666.569.976

14. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Doanh thu cho thuê kho	134.280.000	-
	134.280.000	-

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	874.267.785	25.596.633	-	848.671.152
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	61.326.096	353.608.328	61.326.096	-	353.608.328
Thuế thu nhập cá nhân	-	22.402	868.945.866	838.398.598	-	30.569.670
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	835.215.460	835.215.460	-	-
Các loại thuế khác	-	-	32.319.404	4.000.000	-	28.319.404
	-	61.348.498	2.964.356.843	1.764.536.787	-	1.261.168.554

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	27.924.208	68.086.129
Bảo hiểm xã hội	101.469.591	-
Bảo hiểm y tế	112.433.160	-
Bảo hiểm thất nghiệp	48.470.459	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	50.000.000	-
Tiền góp vốn thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư ⁽ⁱ⁾	15.014.073.062	14.693.192.564
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	5.738.373.938	5.614.950.001
- Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội	3.493.130.624	3.419.098.000
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học miền Bắc	5.782.568.500	5.659.144.563
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.657.326.509	616.370.625
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	71.656.685	56.321.120
- Phải trả về tiền thuế Thu nhập cá nhân	7.944.939	7.944.939
- Phải trả về vật tư vay, mượn	1.153.433.420	143.027.341
- Phải trả về tiền thù lao Hội đồng Quản trị	33.000.000	60.500.000
- Phải trả phải nộp khác	391.291.465	348.577.225
	17.011.696.989	15.377.649.318
Phải trả khác là các bên liên quan	16.167.506.482	14.836.219.905

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)

⁽ⁱ⁾ Đây là tiền góp vốn của các bên để thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 (Xem thêm Thuyết minh 11).

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	20.159.850.000	(943.752.685)	2.589.722.101	1.147.796.072	22.953.615.488
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	977.159.913	977.159.913
Chia cổ tức	-	-	-	(948.542.500)	(948.542.500)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(101.407.912)	(101.407.912)
Số dư cuối kỳ trước	20.159.850.000	(943.752.685)	2.589.722.101	1.075.005.573	22.880.824.989
Số dư đầu năm nay	20.159.850.000	(943.752.685)	2.589.722.101	1.526.424.922	23.332.244.338
Lãi trong kỳ này	-	-	-	1.107.598.391	1.107.598.391
Chia cổ tức	-	-	-	(1.327.959.500)	(1.327.959.500)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(142.857.926)	(142.857.926)
Truy thu thuế theo Biên bản thanh tra	-	-	-	(73.724.879)	(73.724.879)
Số dư cuối năm nay	20.159.850.000	(943.752.685)	2.589.722.101	1.089.481.008	22.895.300.424

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/04/2019, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế năm 2018	100%	1.428.579.262
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	10,00%	142.857.926
Chi trả cổ tức (7%/cổ phần)	92,96%	1.327.959.500

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2019 VND	Tỷ lệ %	01/01/2019 VND	Tỷ lệ %
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	10.269.760.000	50,94%	10.269.760.000	50,94%
Các cổ đông khác	9.890.090.000	49,06%	9.890.090.000	49,06%
Cộng	20.159.850.000	100%	20.159.850.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	20.159.850.000	20.159.850.000
- Vốn góp cuối kỳ	20.159.850.000	20.159.850.000

Cổ tức, lợi nhuận:

- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	56.321.120	46.165.145
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	1.327.959.500	948.542.500
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>1.327.959.500</i>	<i>948.542.500</i>
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	1.312.623.935	937.588.525
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>1.312.623.935</i>	<i>937.588.525</i>
- Số dư cuối kỳ	71.656.685	57.119.120

d) Cổ phiếu

	30/06/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.015.985	2.015.985
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.015.985	2.015.985
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>2.015.985</i>	<i>2.015.985</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	118.900	118.900
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>118.900</i>	<i>118.900</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.897.085	1.897.085
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.897.085</i>	<i>1.897.085</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu

e) Các quỹ của công ty

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	2.589.722.101	2.589.722.101
	2.589.722.101	2.589.722.101

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Ngoại tệ các loại

	30/06/2019	01/01/2019
USD	101,71	101,71
EUR	102,33	102,33

b) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký hợp đồng thuê 2 lô đất tại huyện Đông Anh, Hà Nội với Nhà nước để sử dụng cho mục đích làm trụ sở làm việc, nhà kho và xưởng sản xuất. Diện tích đất thuê lần lượt là 28.465,6 m² và 7.662 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho Nhà nước cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành.

c) Tài sản nhận giữ hộ

Tại thời điểm 30/06/2019, Công ty đang nhận giữ một số nguyên vật liệu là giấy để in sách của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục với khối lượng lần lượt là 14.848 kg giấy An Hòa, Indo và 469 kg giấy Nhật Bản.

19. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Doanh thu dịch vụ in ấn	14.020.724.520	11.734.000.333
Doanh thu khác	2.096.493.723	1.027.392.298
	16.117.218.243	12.761.392.631
Doanh thu đối với các bên liên quan	13.690.635.181	11.205.751.621

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ in ấn	10.663.235.817	9.078.640.383
Giá vốn hàng bán khác	1.529.738.631	771.502.871
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(15.787.527)
	12.192.974.448	9.834.355.727

Giá vốn đối với các bên liên quan

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)

	9.791.497.886	7.120.980.796
--	----------------------	----------------------

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	308.614.455	323.931.486
	308.614.455	323.931.486

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.250.000	37.150.740
	24.250.000	37.150.740

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Chi phí nhân công	1.027.507.359	1.097.858.752
Chi phí khấu hao tài sản cố định	71.657.455	77.639.954
Thuế, phí và lệ phí	156.703.000	194.479.788
Chi phí dịch vụ mua ngoài	497.746.951	88.208.905
Chi phí khác bằng tiền	1.021.402.241	527.305.360
	2.775.017.006	1.985.492.759

24. CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Tiền phạt, chậm nộp thuế theo Biên bản thanh tra	28.319.404	-
Các khoản khác	5.000.000	-
	33.319.404	-

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	1.401.077.840	1.228.324.891
Các khoản điều chỉnh tăng	66.319.404	27.500.000
- Các khoản chi phí không được trừ	66.319.404	27.500.000
Thu nhập chịu thuế TNDN	1.467.397.244	1.255.824.891
Chi phí thuế TNDN hiện hành (Thuế suất 20%)	293.479.449	251.164.978
Truy thu theo Quyết định thanh tra thuế	60.128.879	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	61.326.096	72.542.437
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(61.326.096)	(114.170.400)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	353.608.328	209.537.015

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	1.107.598.391	977.159.913
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.107.598.391	977.159.913
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.897.085	1.897.085
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	584	515

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.754.894.256	2.647.807.627
Chi phí nhân công	5.098.453.764	4.743.426.133
Chi phí khấu hao tài sản cố định	848.334.294	669.930.657
Thuế, phí và lệ phí	156.703.000	294.479.788
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.525.592.470	796.815.935
Chi phí khác bằng tiền	1.611.422.683	978.784.709
	14.995.400.467	10.131.244.849

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.077.265.575	-	2.603.413.094	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	7.251.184.568	-	2.610.947.475	-
Các khoản cho vay	10.500.000.000	-	12.000.000.000	-
	20.828.450.143	-	17.214.360.569	-

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	18.344.804.758	16.044.219.294
	18.344.804.758	16.044.219.294

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.077.265.575	-	-	3.077.265.575
Phải thu khách hàng, phải thu khác	7.251.184.568	-	-	7.251.184.568
Các khoản cho vay	10.500.000.000	-	-	10.500.000.000
	20.828.450.143	-	-	20.828.450.143
Tại ngày 01/01/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.603.413.094	-	-	2.603.413.094
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.610.947.475	-	-	2.610.947.475
Các khoản cho vay	12.000.000.000	-	-	12.000.000.000
	17.214.360.569	-	-	17.214.360.569

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2019				
Phải trả người bán, phải trả khác	18.344.804.758	-	-	18.344.804.758
	18.344.804.758	-	-	18.344.804.758
Tại ngày 01/01/2019				
Phải trả người bán, phải trả khác	16.044.219.294	-	-	16.044.219.294
	16.044.219.294	-	-	16.044.219.294

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
		VND	VND
Doanh thu dịch vụ in ấn và bán hàng khác		12.697.690.316	10.986.760.939
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ	27.852.000	25.965.475
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hà Nội	Cùng tập đoàn	10.217.216.043	8.971.710.734
Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh giáo dục	Cùng tập đoàn	389.588.583	410.401.444
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội	Cùng tập đoàn	2.063.033.690	1.490.612.855
Công ty CP Mỹ thuật và Truyền thông	Cùng tập đoàn	-	16.863.640
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng tập đoàn	-	71.206.791
Doanh thu cho thuê kho, cửa hàng		992.944.865	218.990.682
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hà Nội	Cùng tập đoàn	670.794.500	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội	Cùng tập đoàn	144.670.364	52.363.636
Công ty CP Mỹ thuật và Truyền thông	Cùng tập đoàn	39.370.910	39.391.591
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc	Cùng tập đoàn	138.109.091	127.235.455

Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Địa chỉ: Tổ 60, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Hà Nội Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019


	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
Giá vốn in ấn, cho thuê kho, cửa hàng		9.791.497.886	7.120.980.796
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam		21.182.389	18.175.833
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hà Nội	Cùng tập đoàn	7.770.538.812	5.680.197.514
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục	Cùng tập đoàn	296.295.311	317.529.148
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội	Cùng tập đoàn	1.569.006.987	1.043.428.999
Công ty CP Mỹ thuật và Truyền thông	Cùng tập đoàn	29.830.848	11.804.548
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc	Cùng tập đoàn	104.643.539	49.844.754
Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:			
	Mối quan hệ	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		4.186.843.460	23.550.000
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cùng tập đoàn	30.637.200	-
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hà Nội	Cùng tập đoàn	3.521.171.576	-
Công ty CP Sách đại học - dạy nghề	Cùng tập đoàn	5.000.000	5.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Cùng tập đoàn	543.418.683	-
Công ty CP Mỹ thuật và Truyền thông	Cùng tập đoàn	86.616.001	18.550.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	332.800
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc	Cùng tập đoàn	-	332.800
Phải thu ngắn hạn khác		241.993.960	321.340.232
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hà Nội	Cùng tập đoàn	113.138.134	156.951.886
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Cùng tập đoàn	126.389.331	161.921.851
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc	Cùng tập đoàn	2.466.495	2.466.495
Các khoản phải trả ngắn hạn khác		16.167.506.482	14.836.219.905
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hà Nội	Cùng tập đoàn	998.741.521	107.051.262
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội	Cùng tập đoàn	3.763.786	3.763.786
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Cùng tập đoàn	150.928.113	32.212.293
Tiền góp vốn thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư		15.014.073.062	14.693.192.564
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Cùng tập đoàn	5.738.373.938	5.614.950.001
- Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội	Cùng tập đoàn	3.493.130.624	3.419.098.000
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học miền Bắc	Cùng tập đoàn	5.782.568.500	5.659.144.563

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:


	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Thu nhập của Giám đốc	133.692.733	100.226.908
Thu nhập của người quản lý khác	194.496.749	204.394.266

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.



Phan Thị Thu Hà
Người lập biểu



Phan Thị Thu Hà
Kế toán trưởng



Ngô Quang Thân
Giám đốc
Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2019

